

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ: NHỮNG BẤT CẬP VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

NGUYỄN VIỆT THÀNH
HVCH ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính,
Đại học Trà Vinh

Nhận bài ngày 16/9/2026. Sửa chữa xong 10/10/2026. Duyệt đăng 13/10/2026.

Abstract

This article examines Vietnam's legal framework governing grassroots mediation, with particular emphasis on the 2013 Law on Grassroots Mediation and the need for legislative reform in the current context. The findings indicate that the existing framework has established a relatively stable legal foundation for community-based mediation. However, more than twelve years of implementation have revealed several shortcomings concerning the selection and responsibilities of mediators, the legal status of invited participants, the coordination between successful mediation outcomes and court recognition procedures, specific regulations on online mediation and data management, and the allocation of responsibilities and resources under the two-tier local government model. Accordingly, the article proposes legal reforms aimed at maintaining flexibility without subjecting grassroots mediation to excessive administrative control, improving access to procedures for the judicial recognition of successful mediation outcomes, promoting controlled digital transformation, and clearly defining the responsibilities of relevant stakeholders.

Keywords: Digital transformation; grassroots mediation; law; mediator; successful mediation.

1. Đặt vấn đề

Hòa giải ở cơ sở là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp gần với cộng đồng dân cư. Theo Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, đây là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải (Quốc hội, 2013). Khác với hòa giải tại Tòa án, trọng tài, hòa giải thương mại, hòa giải lao động hoặc hòa giải theo luật chuyên ngành, cơ chế này dựa nhiều vào uy tín cộng đồng, tính tự nguyện và khả năng thuyết phục của hòa giải viên. Vì vậy, giá trị của hòa giải không chỉ ở việc kết thúc vụ việc mà còn ở khả năng duy trì quan hệ xã hội, củng cố đoàn kết và hạn chế tranh chấp phát triển thành khiếu kiện phức tạp.

Sau hơn mười hai năm thi hành, mạng lưới hòa giải ở cơ sở vẫn có phạm vi hoạt động rộng. Theo thông tin của Bộ Tư pháp công bố tháng 6/2026, cả nước có hơn 547.000 hòa giải viên; các tổ hòa giải đã tiếp nhận trên 1,52 triệu vụ, việc và hòa giải thành hơn 1,23 triệu vụ, việc, đạt tỷ lệ 81,92% (Bộ Tư pháp, 2026a). Kết quả này cho thấy hòa giải ở cơ sở tiếp tục là một thiết chế có giá trị thực tiễn trong giải quyết mâu thuẫn từ sớm, tại cộng đồng.

Tuy nhiên, môi trường kinh tế - xã hội, cấu trúc cộng đồng dân cư, phương thức quản trị và điều kiện công nghệ đã thay đổi đáng kể so với thời điểm ban hành Luật năm 2013. Mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu chuyển đổi số và việc tăng cường các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án đặt ra những vấn đề mới về tổ chức, trách nhiệm, dữ liệu và nguồn lực. Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 21/5/2026 đã thông qua năm nhóm chính sách của dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi), gồm cơ chế lựa chọn và quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên; người được mời tham gia hòa giải; công nhận

Email: vietthanh100802@gmail.com

kết quả hòa giải thành; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức (Chính phủ, 2026a).

Trong thời điểm hiện tại, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP vẫn là căn cứ điều chỉnh trực tiếp. Dự án Luật sửa đổi đã được Chính phủ trình Quốc hội theo Tờ trình số 364/TTr-CP ngày 02/7/2026 (Chính phủ, 2026b); Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến và ban hành Kết luận số 111/KL-UBTVQH16 ngày 16/7/2026 (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2026), sau đó dự thảo tiếp tục được tiếp thu, chỉnh lý (Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026). Trên cơ sở phân biệt quy định pháp luật đang có hiệu lực với các nội dung đang được đề xuất trong dự thảo, bài viết tập trung nhận diện những bất cập chủ yếu và đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật, bảo đảm bản chất tự nguyện, linh hoạt, cộng đồng của hòa giải ở cơ sở.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát khuôn khổ pháp luật hiện hành về hòa giải ở cơ sở

Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định phạm vi, nguyên tắc, chính sách của Nhà nước; hòa giải viên, tổ hòa giải; hoạt động và kết quả hòa giải; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định chi tiết phạm vi hòa giải, hỗ trợ kinh phí và một số biện pháp thi hành (Chính phủ, 2014). Các nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tạo giới hạn để hòa giải không trở thành sự áp đặt của cộng đồng (Quốc hội, 2013).

Hòa giải viên do cộng đồng bầu và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận; tiêu chuẩn tập trung vào phẩm chất đạo đức, uy tín, khả năng vận động, thuyết phục và hiểu biết pháp luật. Tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố. Khi có căn cứ tiến hành hòa giải, hòa giải viên tìm hiểu vụ việc, phân tích quyền, nghĩa vụ và hỗ trợ các bên tự thỏa thuận; trường hợp cần thiết có thể mời người có uy tín hoặc người có kiến thức phù hợp tham gia (Quốc hội, 2013).

Khi các bên đạt được thỏa thuận, hòa giải được xác định là thành. Điều 24 Luật năm 2013 quy định nội dung chủ yếu của văn bản hòa giải thành, còn các Điều 416-419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho phép Tòa án xem xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án khi đáp ứng điều kiện luật định. Cơ chế này tạo cầu nối giữa thỏa thuận tự nguyện và khả năng bảo đảm thi hành bằng quyền lực nhà nước, nhưng Luật Hòa giải ở cơ sở chưa thiết kế đầy đủ cơ chế hỗ trợ các bên tiếp cận thủ tục công nhận.

Về nguồn lực, pháp luật quy định kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan; Thông tư số 56/2023/TT-BTC là căn cứ về lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí (Bộ Tài chính, 2023). Quyết định số 315/QĐ-TTg năm 2024 phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên giai đoạn 2024-2030, thể hiện yêu cầu chú trọng chất lượng đội ngũ bên cạnh việc duy trì mạng lưới (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

2.2. Kết quả thi hành và yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật

Kết quả thi hành cho thấy hòa giải ở cơ sở có khả năng xử lý một lượng lớn mâu thuẫn, tranh chấp tại cộng đồng. Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật ghi nhận mạng lưới tổ hòa giải được duy trì rộng khắp (Bộ Tư pháp, 2024); số liệu cập nhật năm 2026 cho thấy trên 1,52 triệu vụ, việc đã được tiếp nhận, hơn 1,23 triệu vụ, việc hòa giải thành, đạt tỷ lệ 81,92% (Bộ Tư pháp, 2026a). Ưu thế chủ yếu của thiết chế này là thủ tục linh hoạt, chi phí xã hội thấp và khả năng tận dụng uy tín của người am hiểu cộng đồng.

Dù vậy, hồ sơ sửa đổi năm 2026 cho thấy nhiều quy định của Luật năm 2013 cần được cập nhật. Các vấn đề nổi bật liên quan đến trường hợp không thể bầu đủ hòa giải viên; quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên; người được mời tham gia; công nhận kết quả hòa giải thành; hòa giải trực tuyến; phân định trách nhiệm và kinh phí trong mô hình tổ chức mới (Chính phủ, 2026a; Chính phủ, 2026b). Quá trình thẩm tra sơ bộ và tiếp thu, chỉnh lý tháng 7/2026 tiếp tục tập trung vào phạm vi điều chỉnh, cơ chế bầu và chỉ định, người được mời, kinh phí và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ Tư pháp, 2026b; Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026).

Tỷ lệ hòa giải thành cao cũng chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả của hoạt động hòa giải và chất lượng thực thi pháp luật. Hiệu quả còn phụ thuộc vào tính bền vững của thỏa thuận, việc bảo đảm sự tự

nguyên, khả năng nhận diện vụ việc không thuộc phạm vi hòa giải và mức độ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Với tranh chấp phức tạp hoặc liên quan đến nhiều quan hệ pháp luật, hòa giải viên cần được hỗ trợ để xác định đúng giới hạn vai trò và hướng dẫn các bên tiếp cận cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết.

2.3. Những bất cập chủ yếu của pháp luật hiện hành

2.3.1. Cơ chế lựa chọn, tiêu chuẩn và trách nhiệm của hòa giải viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn

Luật năm 2013 lấy cơ chế bầu hòa giải viên dựa trên tín nhiệm cộng đồng làm nền tảng (Quốc hội, 2013). Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa xử lý đầy đủ trường hợp không thể tổ chức bầu hoặc không bầu đủ số lượng cần thiết tại địa bàn dân cư có biến động lớn. Dự thảo năm 2026 đã bổ sung cơ chế chỉ định hòa giải viên trong một số trường hợp đặc biệt và sau quá trình chỉnh lý tiếp tục làm rõ điều kiện, thời hạn áp dụng (Bộ Tư pháp, 2026a; Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026). Hướng sửa đổi này có tính thực tiễn nhưng phải được giới hạn để không biến hòa giải viên thành một chức danh hành chính.

Tiêu chuẩn về hiểu biết pháp luật và khả năng thuyết phục hiện còn khá quát, trong khi vụ việc ngày càng đa dạng. Pháp luật cũng chưa thiết lập bộ tiêu chí thống nhất để đánh giá chất lượng hoạt động của hòa giải viên về tuân thủ nguyên tắc, kỹ năng xử lý tình huống, bảo mật, xung đột lợi ích và khả năng nhận diện vụ việc vượt phạm vi hòa giải. Nếu quá coi trọng tỷ lệ hòa giải thành, có thể dẫn đến xu hướng ưu tiên đạt thỏa thuận hơn là bảo đảm chất lượng của quá trình hòa giải.

2.3.2. Địa vị pháp lý của người được mời tham gia hòa giải chưa được quy định đầy đủ

Luật năm 2013 cho phép mời người có uy tín, kiến thức hoặc năng lực phù hợp tham gia hòa giải nhưng chưa quy định đầy đủ phạm vi tiếp cận thông tin, nghĩa vụ bảo mật, xung đột lợi ích, quyền trình bày ý kiến chuyên môn và cơ chế hỗ trợ chi phí (Quốc hội, 2013). Dự thảo năm 2026 đã bổ sung quyền, nghĩa vụ và phạm vi tham gia của chủ thể này (Bộ Tư pháp, 2026a; Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026), cho thấy đây là khoảng trống thực sự của pháp luật hiện hành.

Việc làm rõ địa vị pháp lý của người được mời đặc biệt cần thiết với các vụ việc đòi hỏi kiến thức về đất đai, giao dịch dân sự, tâm lý gia đình hoặc lĩnh vực chuyên môn khác. Nếu thiếu giới hạn về vai trò và bảo mật, hòa giải viên có thể e ngại huy động hỗ trợ; ngược lại, sự tham gia quá sâu của người được mời có thể làm lu mờ vai trò của hòa giải viên và ảnh hưởng đến tính tự nguyện của các bên.

2.3.3. Sự liên thông giữa kết quả hòa giải thành và thủ tục công nhận tại Tòa án chưa được bảo đảm đầy đủ

Các Điều 416-419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã thiết lập thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, trong đó quy định đối tượng, điều kiện, đơn yêu cầu, thời hạn và trình tự xem xét (Quốc hội, 2015). Tuy nhiên, Luật Hòa giải ở cơ sở chưa quy định trực tiếp trách nhiệm giải thích cho các bên về quyền yêu cầu công nhận hoặc cơ chế hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ. Sự tách biệt này có thể hạn chế khả năng tiếp cận thủ tục công nhận, nhất là đối với người dân ít có điều kiện tiếp cận thông tin pháp lý.

Bất cập trên không nên được xử lý bằng việc làm cho mọi văn bản hòa giải thành tự động có hiệu lực cưỡng chế, bởi điều đó sẽ làm thay đổi bản chất tự nguyện và phi tố tụng của hòa giải ở cơ sở. Hướng phù hợp là bảo đảm quyền lựa chọn của các bên, đồng thời làm rõ con đường yêu cầu Tòa án công nhận khi họ có nhu cầu.

Khoản 2 Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở đã quy định các nội dung chủ yếu của văn bản hòa giải thành, gồm căn cứ tiến hành hòa giải, thông tin các bên, nội dung vụ việc, thỏa thuận, quyền và nghĩa vụ, phương thức, thời hạn thực hiện và chữ ký (Quốc hội, 2013). Vì vậy, vấn đề không phải pháp luật chưa quy định nội dung văn bản, mà là chưa có mẫu hướng dẫn thống nhất và cơ chế chuẩn hóa thuận tiện khi văn bản được sử dụng để yêu cầu Tòa án công nhận. Với nghĩa vụ kéo dài hoặc liên quan đến tài sản, sự thiếu rõ ràng trong cách thể hiện thỏa thuận có thể làm tăng nguy cơ tranh chấp tiếp theo.

2.3.4. Thiếu khung pháp lý chuyên biệt cho ứng dụng công nghệ thông tin, hòa giải trực tuyến và quản lý dữ liệu

Luật năm 2013 được xây dựng trong bối cảnh hòa giải chủ yếu diễn ra trực tiếp nên chưa quy định

chuyên biệt về hòa giải trực tuyến, xác nhận ý chí trên môi trường số, hồ sơ điện tử, ghi âm - ghi hình hoặc quản lý dữ liệu (Quốc hội, 2013). Việt Nam hiện đã có Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 làm khung pháp luật chung (Quốc hội, 2023; Quốc hội, 2025a), nhưng việc áp dụng vào hòa giải ở cơ sở vẫn cần quy định cụ thể. Dự thảo năm 2026 đã đề xuất hòa giải trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, đồng thời khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (Bộ Tư pháp, 2026a).

Thách thức trọng tâm là xác nhận sự tự nguyện, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bảo đảm người dân không bị loại khỏi quá trình hòa giải do hạn chế về thiết bị hoặc kỹ năng số. Vì vậy, phương thức điện tử chỉ nên được sử dụng khi các bên đồng ý và luôn phải duy trì khả năng lựa chọn hòa giải trực tiếp.

Ở góc độ quản lý nhà nước, dữ liệu số có thể hỗ trợ nhận diện xu hướng tranh chấp và nhu cầu bồi dưỡng hòa giải viên. Tuy nhiên, pháp luật cần phân biệt dữ liệu thống kê, hồ sơ vụ việc và dữ liệu cá nhân; xác định rõ mục đích thu thập, phạm vi truy cập và thời hạn lưu trữ. Nguyên tắc cần thiết là chỉ thu thập dữ liệu ở mức phục vụ trực tiếp hoạt động hòa giải và quản lý nhà nước, hạn chế lưu giữ thông tin đời tư không cần thiết (Quốc hội, 2025a).

2.3.5. Phân định trách nhiệm quản lý nhà nước và bảo đảm kinh phí cần được điều chỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Luật năm 2013 phân công trách nhiệm theo cấu trúc cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (Quốc hội, 2013). Trong khi đó, Nghị quyết số 203/2025/QH15 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 xác lập mô hình chính quyền địa phương hai cấp (Quốc hội, 2025c; Quốc hội, 2025b). Vì vậy, các nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng, tổng hợp số liệu và hỗ trợ hoạt động hòa giải phải được phân bổ lại để tránh khoảng trống hoặc chồng chéo. Đây cũng là nội dung được dự thảo năm 2026 xử lý theo hướng bỏ trách nhiệm của cấp huyện và làm rõ hơn vai trò của cấp tỉnh, cấp xã (Bộ Tư pháp, 2026a; Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026).

Về kinh phí, Thông tư số 56/2023/TT-BTC đã tạo căn cứ cho việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí hòa giải ở cơ sở (Bộ Tài chính, 2023). Tuy nhiên, nhu cầu hiện nay không chỉ gồm chi cho vụ, việc hòa giải mà còn có bồi dưỡng, tài liệu, người được mời, công nghệ và quản lý dữ liệu. Dự thảo năm 2026 đồng thời đề xuất bỏ quy định ngân sách trung ương bổ sung riêng cho địa phương chưa tự cân đối để thống nhất với nguyên tắc phân cấp ngân sách (Bộ Tư pháp, 2026a). Điều này đòi hỏi quy định mới phải vừa rõ trách nhiệm chi, vừa bảo đảm khả năng thực hiện tại những địa bàn có nguồn lực hạn chế.

Việc tổ chức thực hiện cũng cần đầu mối rõ ràng: cấp xã nên trực tiếp kiện toàn tổ hòa giải, quản lý danh sách và hỗ trợ hoạt động thường xuyên; cấp tỉnh tập trung chuẩn hóa tài liệu, bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn, kiểm tra và tổng hợp dữ liệu. Cách phân công này phù hợp với yêu cầu tăng tính chủ động của cơ sở nhưng vẫn bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật.

2.4. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở

2.4.1. Hoàn thiện cơ chế lựa chọn và nâng cao trách nhiệm của hòa giải viên theo hướng linh hoạt nhưng không hành chính hóa

Pháp luật nên tiếp tục xem việc bầu hòa giải viên tại cộng đồng là phương thức chủ đạo. Cơ chế chỉ định chỉ nên là phương án dự phòng khi việc bầu không thể thực hiện hoặc không bảo đảm yêu cầu cần thiết, với điều kiện, thời hạn và thủ tục minh bạch. Việc dự thảo sau chỉnh lý tháng 7/2026 tiếp tục làm rõ cơ chế này góp phần khắc phục khoảng trống của Luật hiện hành trong trường hợp không thể thực hiện đầy đủ thủ tục bầu hòa giải viên. Đồng thời, tiêu chuẩn hòa giải viên cần được cụ thể hóa theo hướng chú trọng khả năng tiếp cận pháp luật, giao tiếp, quản trị xung đột, bảo mật, phòng ngừa xung đột lợi ích và nhận diện vụ việc không thuộc phạm vi hòa giải; không nên quy định điều kiện bắt buộc về văn bằng, chứng chỉ theo hướng làm thu hẹp tính đại diện cộng đồng của đội ngũ hòa giải viên.

Quyền của hòa giải viên cần gắn với khả năng yêu cầu hỗ trợ chuyên môn và đề nghị bảo đảm an toàn khi vụ việc có nguy cơ phát sinh bạo lực; nghĩa vụ cần bao quát việc bảo vệ thông tin, dữ liệu và

tôn trọng quyền lựa chọn phương thức hòa giải của các bên. Khi sử dụng môi trường số, sự đồng ý của các bên phải là điều kiện tiên quyết.

Bồi dưỡng hòa giải viên nên chuyển từ tập huấn đại trà sang kết hợp tài liệu cốt lõi thống nhất với chuyên đề theo nhu cầu địa phương. Địa bàn đô thị và nông thôn có cơ cấu tranh chấp khác nhau, nên nội dung bồi dưỡng cần được lựa chọn trên cơ sở loại vụ, việc thực tế. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu nâng cao năng lực đội ngũ giai đoạn 2024-2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

2.4.2. Xác lập rõ địa vị pháp lý của người được mời tham gia hòa giải

Dự thảo năm 2026 đã bổ sung quy định về người được mời tham gia hòa giải, bao gồm trường hợp trực tiếp tham gia cùng hòa giải viên hoặc tư vấn, hỗ trợ kiến thức, kỹ năng (Bộ Tư pháp, 2026a; Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026). Quy định cuối cùng cần tiếp tục làm rõ quyền tiếp cận thông tin ở mức cần thiết, nghĩa vụ bảo mật, trung lập, thông báo xung đột lợi ích và cơ chế hỗ trợ chi phí. Người được mời không thay thế hòa giải viên, không có quyền quyết định kết quả và không được tạo sức ép để các bên chấp nhận một phương án hòa giải.

2.4.3. Tăng khả năng tiếp cận thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án

Luật sửa đổi cần tạo liên thông rõ hơn với các Điều 416-419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Quốc hội, 2015). Khi hòa giải thành, hòa giải viên nên có trách nhiệm giải thích cho các bên về quyền yêu cầu Tòa án công nhận, thời hạn yêu cầu và những điều kiện cơ bản; đồng thời có thể sử dụng mẫu văn bản hòa giải thành mang tính hướng dẫn trên cơ sở Điều 24 Luật hiện hành. Mẫu này nên đơn giản nhưng thể hiện rõ chủ thể, nội dung thỏa thuận, quyền, nghĩa vụ, phương thức và thời hạn thực hiện.

Công nhận tại Tòa án phải tiếp tục là cơ chế theo yêu cầu, không phải hậu quả bắt buộc của mọi hòa giải thành. Tòa án vẫn kiểm tra các điều kiện luật định về năng lực, tư cách chủ thể, sự tự nguyện, quyền của người thứ ba, điều cấm của luật, đạo đức xã hội và việc trốn tránh nghĩa vụ. Cách tiếp cận này tăng giá trị pháp lý của kết quả hòa giải khi cần thiết mà không làm mất tính linh hoạt của thiết chế cộng đồng.

2.4.4. Thiết lập khung pháp lý thận trọng cho chuyển đổi số và hòa giải trực tuyến

Pháp luật nên cho phép hòa giải trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp - trực tuyến khi các bên tự nguyện và điều kiện kỹ thuật phù hợp. Dự thảo năm 2026 đã đi theo hướng này (Bộ Tư pháp, 2026a; Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2026). Tuy nhiên, không nên bắt buộc tổ hòa giải sử dụng một nền tảng riêng; hợp lý hơn là quy định yêu cầu pháp lý tối thiểu và cho phép lựa chọn công cụ phù hợp với điều kiện địa phương. Các yêu cầu tối thiểu cần gồm xác nhận sự tự nguyện, nhận diện người tham gia, bảo mật nội dung, giới hạn ghi âm - ghi hình, phân quyền truy cập, thời hạn lưu trữ và giá trị của văn bản điện tử. Quy định chuyên ngành về hòa giải phải tương thích với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025. Chuyển đổi số chỉ có ý nghĩa khi mở rộng khả năng tiếp cận, không tạo thêm rào cản cho người hạn chế về thiết bị hoặc kỹ năng số.

2.4.5. Phân định rõ trách nhiệm trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp và bảo đảm nguồn lực bền vững

Các nhiệm vụ trước đây gắn với cấp huyện cần được phân bổ lại cho cấp tỉnh và cấp xã phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp (Quốc hội, 2025c; Quốc hội, 2025b). Cấp tỉnh nên tập trung hướng dẫn chuyên môn, xây dựng tài liệu, bồi dưỡng, kiểm tra và tổng hợp dữ liệu; cấp xã trực tiếp kiện toàn tổ hòa giải, quản lý hòa giải viên, hỗ trợ hoạt động và tiếp nhận kiến nghị. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần tiếp tục được bảo đảm để duy trì tính tự quản cộng đồng (Quốc hội, 2013).

Về kinh phí, nên duy trì nguyên tắc ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp cùng các nguồn tài chính hợp pháp khác, phù hợp với định hướng dự thảo (Bộ Tư pháp, 2026a). Quy định chi cần bao quát vụ, việc hòa giải, bồi dưỡng, tài liệu, người được mời, ứng dụng công nghệ và các biện pháp bảo đảm an toàn cho hòa giải viên. Việc hỗ trợ địa phương có khó khăn về nguồn lực nên được thực hiện thông qua cơ chế ngân sách chung theo pháp luật về ngân sách nhà nước, thay vì thiết kế một cơ chế bổ sung riêng có thể mâu thuẫn với nguyên tắc phân cấp.

Song song với phân bổ kinh phí, cần thiết lập mạng lưới hỗ trợ chuyên môn để cấp xã có thể kết nối với luật gia, luật sư, trợ giúp pháp lý, cán bộ tư pháp hoặc chuyên gia phù hợp. Khi gặp vụ việc phức tạp, hòa giải viên có thể đề nghị tư vấn mà không làm mất vai trò trung tâm của tổ hòa giải tại cộng đồng.

2.5. Yêu cầu bảo đảm tính đồng bộ khi sửa đổi Luật

Sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở cần đi kèm rà soát Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các văn bản liên quan để bảo đảm thống nhất về lựa chọn hòa giải viên, người được mời, kinh phí và chuyển đổi số. Đối với công nhận hòa giải thành, Luật Hòa giải ở cơ sở nên tập trung vào quyền được thông tin và trách nhiệm hỗ trợ, còn điều kiện, thẩm quyền công nhận tiếp tục tuân thủ Bộ luật Tố tụng dân sự (Quốc hội, 2015). Quy định về dữ liệu và hòa giải trực tuyến phải tương thích với pháp luật về giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân (Quốc hội, 2023; Quốc hội, 2025a). Đồng thời, cần có quy định chuyển tiếp để hòa giải viên, tổ hòa giải đang hoạt động tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, tránh gián đoạn mạng lưới hiện có.

3. Kết luận

Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn đã tạo nền tảng quan trọng cho một thiết chế giải quyết mâu thuẫn mang tính cộng đồng, tự nguyện và phòng ngừa. Sau hơn mười hai năm thi hành, trên 1,52 triệu vụ, việc đã được tiếp nhận, hơn 1,23 triệu vụ, việc hòa giải thành, đạt tỷ lệ 81,92% (Bộ Tư pháp, 2026a). Tuy nhiên, những thay đổi về tổ chức chính quyền địa phương, yêu cầu chuyển đổi số và nhu cầu tăng khả năng bảo đảm thực hiện thỏa thuận cho thấy việc sửa đổi Luật là cần thiết. Việc hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở cần hướng đến xử lý đồng thời những khoảng trống về chủ thể hòa giải, giá trị của kết quả hòa giải thành, ứng dụng công nghệ và tổ chức thực hiện trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tuy nhiên, sửa đổi pháp luật không đồng nghĩa với việc gia tăng mức độ hành chính hóa hoạt động hòa giải. Yêu cầu đặt ra là xác lập đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và cơ chế bảo đảm cần thiết, nhưng vẫn duy trì không gian tự nguyện, linh hoạt và tính tự quản cộng đồng - những đặc trưng làm nên giá trị của hòa giải ở cơ sở.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài chính (2023). *Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở*.
- Bộ Tư pháp (2024). *Báo cáo số 189/BC-BTP ngày 26/4/2024 về tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở*.
- Bộ Tư pháp (2026a). *Sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở: Nâng cao hiệu quả giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng dân cư*. <https://moj.gov.vn/portal/tin-tuc/chi-tiet/sua-oi-luat-hoa-giai-o-co-so-nang-cao-hieu-qua-giai-quet-mau-thuan-tranh-chap-trong-cong-ong-dan-cu-tgi3hgb465.html>.
- Bộ Tư pháp (2026b). *Trao đổi sơ bộ nội dung thẩm tra dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)*. <https://moj.gov.vn/portal/tin-tuc/chi-tiet/trao-oi-so-bo-noi-dung-tham-tra-du-an-luat-hoa-giai-o-co-so-sua-oi-thwob8d994.html>.
- Chính phủ (2014). *Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/2/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở*.
- Chính phủ (2026a). *Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 21/5/2026 thông qua các chính sách của dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)*.
- Chính phủ (2026b). *Tờ trình số 364/TT-CP ngày 2/7/2026 về dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)*.
- Cổng Thông tin điện tử Quốc hội (2026). *Tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)*. <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=100543>
- Quốc hội (2013). *Luật Hòa giải ở cơ sở*. Luật số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự*. Luật số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Quốc hội (2023). *Luật Giao dịch điện tử*. Luật số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023.
- Quốc hội (2025a). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Luật số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025.
- Quốc hội (2025b). *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*. Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025.
- Quốc hội (2025c). *Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
- Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024–2030"*.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2026). *Kết luận số 111/KL-UBTVQH16 ngày 16/7/2026 về dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)*.